TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2018/DS-PT
Ngày: 22-11-2018
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- ***Với Tnh phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Đức Quang

Các thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền

Bà Nguyễn Thị Bích Đào

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Ngô Khánh Chi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh***: Bà Dương Thị Thanh Hiền - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 11 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 19/2018/DS-PT ngày 20 tháng 9 năm 2018 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 10/2018/DS-ST ngày 13 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 32/2018/QĐXX-PT ngày 08 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Gia L, sinh năm: 1942. Địa chỉ: Xóm S, xã P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Đình Lợi, Luật sư Công ty Luật TNHH Mai Sen, thuộc Đoàn Luật sư Hà Tĩnh. Địa chỉ: 379A đường Trần Phú, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Doãn Hùng, Luật sư Công ty Luật TNHH HTC Việt Nam, thuộc Đoàn Luật sư Tnh phố Hà Nội. Địa chỉ: Tầng 3, nhà 14, ngõ 118/8/1 Nguyễn Khánh Toàn, quận Cầu Giấy, Tnh phố Hà Nội. Có mặt

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm: 1972. Địa chỉ: Xóm S, xã P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Lê Hùng, Luật sư Văn phòng Luật sư Lê Hùng thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Lê Hùng và ông Nguyễn Đình Giáp, Luật sư Văn phòng Luật sư Lê Hùng thuộc Đoàn Luật sư tỉnh

Hà Tĩnh. Có mặt

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Lê Viết T. Địa chỉ: Xóm S, xã P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt

+ Bà Nguyễn Thị L. Địa chỉ: Xóm S, xã P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt

+ UBND huyện H, tỉnh Hà Tĩnh do ông Lê Ngọc H - Chức vụ: Chủ tịch UBND huyện làm người đại diện theo pháp luật ủy quyền cho ông Nguyễn Văn V - Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện H. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

+ UBND xã P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh do ông Võ Văn L - Chức vụ: Chủ tịch UBND xã làm người đại diện theo pháp luật. Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Trí V - Chức vụ: Công chức địa chính UBND xã P. Có mặt

+ Hạt quản lý đường bộ H (Trực thuộc Công ty TNHH MTV QL&XDĐB 469) do ông Nguyễn Xuân T - Chức vụ: Hạt trưởng làm người đại diện. Vắng mặt

4. Người làm chứng: Ông Trần Đình T. Địa chỉ: Xóm 1, xã Phương Điền, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt

5. Người kháng cáo: Ông Trần Gia L

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 08/11/2017, bản tự khai, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trần Gia L trình bày:

Năm 1988 gia đình ông L lên ở ngã ba P trên diện tích đất do ông L vỡ hoang, cải tạo với diện tích khoảng 1000m^2. Đến năm 1994 thì UBND xã P lấy đất ông đang ở để xây dựng Bưu điện P. Sau khi UBND xã lấy đất thì ngày 20/8/1995 ông làm đơn xin cấp đất ở và ngày 20/10/1996 đã được UBND xã P xác nhận đồng ý giao cho ông ô đất số 28 với diện tích là 500m^2 (trong đó có 300m^2 đất ở và 200m^2 đất lưu không), có tứ cận như sau: Phía Đông giáp đường 15A dài 10m; Phía Tây giáp đồng lúa dài 10m; Phía Bắc giáp ô đất số 27 dài 50m; Phía Nam (cách đường Đồng Đại dài 15m), dài 50m. Do đặc điểm địa hình diện tích đất được cấp thấp so với đường nên ông đã cải tạo, đổ đất với diện tích 1.500m^2 để chống lụt, được UBND xã cho phép, có ranh giới rõ ràng, không tranh chấp. Năm 2000, nhà nước mở đường Hồ Chí Minh ông được Hội đồng giải phóng mặt bằng huyện đền bù và hỗ trợ phần đất thu hồi. Năm 2012 khi nâng cấp Quốc lộ 15A đoạn - P gia đình ông cũng được hỗ trợ và đền bù lần hai phần đất bị thu hồi.

Năm 2004 ông có chuyển nhượng cho ông Trần Đình T quê ở xã H, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh 70m^2 đất (chiều rộng 07m và chiều dài 10m), ông T đã làm nhà cho vợ sinh sống trên phần diện tích đất này. Đến năm 2008 thì ông Trần Đình T đã chuyển nhượng lại toàn bộ cho chị Nguyễn Thị L 70m^2 đất nhận chuyển nhượng của ông từ năm 2004 và các tài sản trên đất. Và cũng trong năm 2008 chị L mua thêm của ông phần đất có chiều rộng 03m đấu nối với đất ông T chạy thẳng ra đường với giá 87 triệu đồng, nhằm mục đích làm lối đi dẫn ra đường nhánh đường Hồ Chí Minh.

Tháng 5 năm 2017, ông bị bệnh phải đi bệnh viện điều trị, nên chị L đã có hành vi chiếm dụng phần đất của ông có diện tích khoảng 140m^2 để đào móng, xây

nhà. Sau khi đi điều trị về, phát hiện được hành vi lấn chiếm đất của chị L, ông đã làm đơn gửi lên UBND xã P để yêu cầu giải quyết. Tuy nhiên, quá trình giải quyết, hòa giải tại địa phương đều không thành. Do vậy, ông làm đơn khởi kiện lên Tòa án đề yêu cầu giải quyết: Buộc chị L chấm dứt hành vi chiếm dụng đất trái pháp luật; đề nghị chấm dứt việc xây dựng nhà trái pháp luật trên đất của ông có diện tích 140m^2 , có tứ cận như sau: Đông giáp đất ông L, Tây giáp đất chị L, Bắc giáp đất ông Trần Đình T chuyển nhượng cho chị L, Nam giáp đường rẽ đường Hồ Chí Minh và đề nghị trả lại nguyên hiện trạng đất lúc ban đầu. Với lý do ông đã có công tôn tạo, bồi đắp phần diện tích đất đang tranh chấp; các lần chuyển nhượng đất cho ông T, chị L thì ông đều không chuyển nhượng đối với phần diện tích này; UBND huyện H đã 02 lần tiến hành đền bù giải phóng mặt bằng, thu hồi đất của ông, do đó ông có quyền sử dụng đối với phần diện tích đất đang tranh chấp.

- *Bị đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:*

Tại thời điểm ông L được giao đất thì mặt tiền của mảnh đất ông L được cấp hướng về đường Quốc lộ 15A, nên đất của ông L khi đó có chiều rộng bám theo đường 15A là 10m và chiều sâu là 50m, tổng diện tích là 500m^2 (bao gồm cả lưu không đường 15A). Năm 2004 khi đường Hồ Chí Minh được mở rộng thì ông L bán cho ông Trần Đình T phần diện tích đất 70m^2 (10m x 7m) trong đó chiều rộng 7m mặt tiền hướng về hành lang (lưu không) đường Hồ Chí Minh. Sau khi nhận chuyển nhượng đất từ ông L thì ông T đã làm nhà ở, xây dựng các công trình như giếng nước, sân, giàn che nắng phía trước và sinh sống ổn định không có tranh chấp với ai. Trong đó, có cải tạo thêm phần lưu không phía trước để sử dụng.

Năm 2008 ông T chuyển nhượng lại toàn bộ thửa đất, nhà cửa và tài sản trên đất cho chị. Khi viết giấy chuyển nhượng ông L có ký làm chứng, không có ý kiến gì và các hộ liền kề không tranh chấp. Gia đình chị đã sinh sống và kinh doanh ổn định từ khi nhận chuyển nhượng cho đến nay. Trong quá trình sinh sống thì gia đình chị tiếp tục cải tạo phần lưu không đường phía trước để sử dụng. Đến ngày 10/10/2010 gia đình chị L mới mua tiếp của ông L phần diện tích đất 30m^2 (03m x 10m) tiếp nối với phần diện tích đất trước đó chị đã mua của ông T nhằm mục đích để nới rộng mảnh đất của mình. Quá trình sinh sống gia đình chị L vẫn tác nghiệp, sử dụng, làm ăn buôn bán trên phần diện tích đất lưu không phía trước giáp với đường nhánh của đường Hồ Chí Minh mà không có sự tranh chấp với bất kỳ ai, kể cả ông L. Năm 2012 khi thu hồi đất để nâng cấp đường 15A gia đình chị đã được Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng huyện H lập hồ sơ đền bù, hỗ trợ kinh phí. Đầu năm 2017 khi gia đình chị tháo dỡ ngôi nhà cũ để xây dựng lại nhà mới thì ông L mới tạo cớ tranh chấp vì cho rằng đất hành lang (lưu không) đường Hồ Chí Minh phía trước là đất của ông chưa chuyển nhượng cho ai nên ông đòi lại.

Do đó, bị đơn chị L không đồng ý với yêu cầu trong đơn khởi kiện của nguyên đơn. Bởi vì ông L không có quyền sử dụng hợp pháp đối với diện tích đất phía trước đang tranh chấp mà phần đất này là đất thuộc hành lang giao thông và nhà nước cũng đã thu hồi, hỗ trợ nên thuộc quyền quản lý của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Lê Viết T:* Có ý kiến thống nhất như lời trình bày của bị đơn chị Nguyễn Thị L.

- *Đại diện UBND huyện H tham gia phiên tòa,* có ý kiến: Việc đền bù giải phóng mặt bằng cho các hộ là đảm bảo đúng trình tự thủ tục và giữ nguyên quan điểm tại Văn bản số 706/UBND-TNMT ngày 08/5/2018 đã trả lời cho Tòa án. Theo quy định của pháp luật đất đai, nếu đất có nguồn gốc từ khai hoang phục hóa, sử dụng ổn định, phù hợp với quy hoạch, không có tranh chấp thì được xem xét cấp quyền sử dụng đất cho người sử dụng theo hiện trạng. Tuy nhiên, trong trường hợp này nguồn gốc đất của ông L là đất được nhà nước giao theo quy hoạch, có ranh giới diện tích rõ ràng, không phải là đất khai hoang phục hóa, do đó không có căn cứ được xác lập quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất cơi nới, vượt quá nằm trong hành lang giao thông mà hiện các bên đang tranh chấp. Vì vậy, đất đang tranh chấp này không thuộc quyền quản lý sử dụng của nguyên đơn hay bị đơn mà thuộc quản lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- *Đại diện UBND xã P, huyện H tham gia phiên tòa,* có ý kiến: Vụ việc tranh chấp đã được hòa giải tại cơ sở nhiều lần nhưng không thành. Sau khi ông L chuyển nhượng đất cho ông T, năm 2004 chính quyền địa phương đã cấp trích lục bản đồ địa chính khu đất mà không ai có ý kiến gì. Năm 2008 ông T chuyển nhượng toàn bộ đất và tài sản trên đất cho chị L thì ông L cũng không có ý kiến gì. Chị L vẫn tiếp tục cải tạo, sử dụng trên phần đất hành lang phía trước đang tranh chấp. Việc gia đình chị L được lập hồ sơ bồi thường khi nâng cấp Quốc lộ 15A năm 2012 là căn cứ vào hiện trạng sử dụng, tác nghiệp trên đất hành lang của gia đình chị L. Nguồn gốc đất đang tranh chấp là do đương sự có cơi nới, lấn chiếm nằm ngoài diện tích 500m^2 đất của ông L được giao năm 1996. Do đó, quan điểm đề nghị Tòa án xem xét giải quyết để sớm ổn định tình hình địa phương.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn,* trình bày*:* Nguyên đơn không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh diện tích đất đang tranh chấp là thuộc quyền quản lý sử dụng hợp pháp của mình. Việc nhà nước lập hồ sơ hỗ trợ, bồi thường giải phóng mặt bằng không đồng nghĩa với việc nhà nước công nhận quyền sử dụng đất hợp pháp cho ông L. Các bên chỉ thỏa thuận và cũng chỉ được phép chuyển nhượng trong phạm vi diện tích đất mà ông L đã được giao. Việc ông T nhận chuyển nhượng 70m^2 đất của ông L thì ông T cũng có quyền được sử dụng đất hành lang phía trước phần diện tích đất nhận chuyển nhượng. Khi ông T bán đất và tài sản trên đất cho chị L, thì ông L không có ý kiến. Từ năm 2004 đến nay ông L không hề có tôn tạo, quản lý phần đất đã chuyển nhượng cũng như đất hành lang phía trước đang tranh chấp. Đất phía trước do các hộ cơi nới thêm nằm ngoài diện tích đất mà nguyên đơn ông L được cấp và thuộc đất hành lang giao thông. Nguyên đơn không có căn cứ khởi kiện để buộc bị đơn chấm dứt việc sử dụng và trả lại đối với phần diện tích đất này. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- *Đại diện Hạt quản lý đường bộ H,* có ý kiến: Hành lang của đoạn đường trên theo quy định tại Nghị định số 11/2010/NĐ-CP của Chính phủ và Quy chế quản lý đường Hồ Chí Minh của Cục Quản lý Đường bộ II - Bộ Giao thông Vận tải thì hành lang đất đường bộ là 27m (trong đó đất của đường bộ là 2m và hành lang đường bộ là 25m) tính từ chân đường đắp. Do đó, đề nghị Tòa án căn cứ để giải quyết vụ án đúng pháp luật.

Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2018/DSST ngày 13/8/2018 của TAND huyện H, tỉnh Hà Tĩnh:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 92; khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157; Điều 158; khoản 1 Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 163, Điều 164, Điều 166, Điều 169 của Bộ luật Dân sự;

Điều 100, khoản 1 Điều 203; Điều 157, 166, 170 Luật đất đai;

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Gia L.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn quyết định về Chi phí tố tụng, án phí và tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/8/2018 ông Trần Gia L kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết các nội dung:

- Huỷ bỏ bản án dân sự sơ thẩm số 10/2018/DSST này 13/8/2018 của Toà án nhân dân huyện H.

- Yêu cầu chị Nguyễn Thị L chấm dứt hành vi lấn chiếm dụng đất và xây nhà trái pháp luật trên diện tích khoảng 140m2 và trả lại đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp cho ông L.

- Yêu cầu chị Nguyễn Thị L trả lại tiền đền bù sai pháp luật trong việc hỗ trợ, bồi đắp đất khi đường quốc lộ 15A đi qua cho ông L.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Nguyên đơn, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn sau khi phân tích các tình tiết của vụ án đã đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm huỷ bản án sơ thẩm giao hồ sơ vụ án cho cấp sơ thẩm xét xử lại; trường hợp có đủ căn cứ thì đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của nguyên đơn.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn sau khi phân tích các tình tiết của vụ án đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên nội dung của bản án sơ thẩm.

Đại diện VKSND tỉnh Hà Tĩnh sau khi phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã phân tích đánh giá các chứng cứ của vụ án, quyết định của bản án sơ thẩm, nội dung kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận nội dung kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Gia L. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 10/2018/DS-ST ngày 13/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Xét thấy, Toà án sơ thẩm đã thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp. Quá trình giải quyết vụ án đã xác định đúng, đầy đủ tư cách của những người tham gia tố tụng.

[2] Về nội dung: Xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn chấm dứt hành vi chiếm dụng đất, xây dựng nhà trái pháp luật trên diện tích đất khoảng 140m^2 và trả lại đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Vào ngày 20/8/1995 nguyên đơn ông Trần Gia L làm đơn xin cấp đất và ngày 20/10/1996 đã được UBND xã P xác nhận đồng ý giao cho ông L tại ô đất số 28 theo bản đồ quy hoạch của UBND huyện H với diện tích là 500m^2, có chiều rộng bám theo trục đường 15A là 10m, chiều dài là 50m (trong đó đất ở là 300m^2 và đất lưu không là 200m^2). Như vậy, phần diện tích đất đang tranh chấp không nằm trong diện tích đất mà ông L có đơn xin cấp và được UBND xã P xác nhận đồng ý. Việc này được chính quyền địa phương xã P, UBND huyện H cũng như nguyên đơn, bị đơn đều thừa nhận trong quá trình xét xử sơ thẩm. Tại phiên toà phúc thẩm đại diện UBND xã P, nguyên đơn, người đại diện cho bị đơn tiếp tục khẳng định phần đất tranh chấp không nằm trong phần diện tích 500m^2 ông L được cấp. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình sử dụng đất được giao ông L đã 02 lần chuyển nhượng cho người khác, cụ thể:

Lần thứ nhất, ông L chuyển nhượng cho ông Trần Đình T diện tích đất 70m^2, trong đó có chiều rộng là 07m và chiều dài là 10m. Việc chuyển nhượng này được lập Tnh hợp đồng vào ngày 20/12/2004 và được chính quyền địa phương UBND P ký xác nhận đồng ý và ngày 25/12/2004 UBND xã P đã tiến hành trích đo hiện trạng bản đồ địa chính khu đất mà ông L bán cho ông T. Tại văn bản trích đo này thể hiện phần diện tích ông L bán cho ông T có phía Nam giáp với hành lang đường Hồ Chí Minh rẽ đi thị xã Hà Tĩnh và tại phiên tòa sơ thẩm cũng như phiên toà phúc thẩm đại diện chính quyền địa phương và ông L vẫn khẳng định điều này, không có ý kiến gì đối với bản trích đo hiện trạng năm 2004. Như vậy, thời điểm ông L bán đất cho ông T thì ý chí của ông L đã thể hiện rõ phần diện tích đất mà hiện nay đang tranh chấp thuộc hành lang đường Hồ Chí Minh. Nguyên đơn ông L cho rằng khi bán đất cho ông T thì phần diện tích đất tiếp giáp phía trước (hiện nay đang tranh chấp) ông L đã thỏa thuận cho ông T mượn để sử dụng. Qua ý kiến trình bày của ông Trần Đình T trong "Kính thư" gửi ông L do ông L cung cấp cũng như lời khai của ông T tại Tòa án ngày 06/6/2018 và các tài liệu có trong hồ sơ tại cấp sơ thẩm thì không có tài liệu nào thể hiện việc ông T thỏa thuận mượn đất phía trước sử dụng như ông L trình bày. Tại phiên toà phúc thẩm ông T trình bày vào thời điểm nhận chuyển nhượng đất từ ông L thì ông L và ông T thoả thuận bằng miệng cho ông T mượn đất phía trước để đi lại nhưng không lập thành văn bản. Xét thấy, nội dung thoả thuận giữa ông L và ông T không có căn cứ để xác định, vì lời trình bày của ông T tại cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm là mâu thuẫn với nhau; mặt khác

đây là phần đất hành lang giao thông đường bộ, thuộc quyền quản lý của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Do vậy, không có căn cứ để chấp nhận ý kiến của ông L.

Sau khi mua đất của ông L thì ông T đã làm nhà và các công trình phụ trợ để sinh sống. Quá trình sinh sống thì ông T vẫn sử dụng diện tích đất hành lang phía trước mà không có tranh chấp với ai. Về mặt thực tế ông T buộc phải sử dụng phần diện tích đất hành lang phía trước để đi lại vì đây là lối đi duy nhất để ra đường Hồ Chí Minh rẽ đi thị xã H, bởi hai bên là giáp nhà và đất ông L, phía sau giáp đất nhà ông Phan Thanh Q. Đến ngày 10/8/2008 ông T bán toàn bộ diện tích đất đã mua của ông L cùng với tài sản trên đất cho chị Nguyễn Thị L và anh Lê Viết T (Việc mua bán có sự xác nhận của chính quyền địa phương). Ngày 20/8/2008 ông T đã tiến hành bàn giao vị trí đất và tài sản trên đất cho anh T, chị L và việc bàn giao này có sự chứng kiến của ông L. Trong biên bản bàn giao này thể hiện phần diện tích đất ông T bán cho chị L, anh T có *"phía Nam giáp với lưu không đường Hồ Chí Minh"* và ông L có ký vào biên bản bàn giao với tư cách là hộ liền kề và không có ý kiến gì. Vì vậy, có căn cứ xác định tại thời điểm năm 2008 ông T chuyển giao quyền sử dụng đất cho chị L, anh T thì ông L vẫn thừa nhận phần diện tích đang tranh chấp là đất lưu không, nằm ngoài diện tích đất mà ông L được UBND xã giao năm 1996.

Lần thứ hai, ông L bán cho chị Nguyễn Thị L, anh Lê Viết T diện tích đất 30m^2, trong đó có chiều rộng là 03m và chiều dài là 10m để đấu nối với phần diện tích đất trước đó chị L, anh T đã mua của ông T. Việc mua bán này được lập Tnh văn bản ngày 10/10/2010 giữa hai bên. Trong văn bản này cũng thể hiện phần diện tích đất ông L bán cho chị L có phía Nam giáp với đường rẽ đường Hồ Chí Minh đi Hà Tĩnh. Như vậy, khi bán thêm cho chị L, anh T diện tích 30m^2 vào năm 2010 thì ý chí của ông L vẫn thể hiện phần diện tích đất tiếp giáp phía Nam là đất hành lang đường rẽ đường Hồ Chí Minh đi Hà Tĩnh, nằm ngoài diện tích đất ông L được giao trong đơn xin cấp đất năm 1996.

Liên quan đến nội dung mua bán đất giữa ông L với chị L, anh T. Ông L cho rằng việc mua bán đất là vào năm 2008 và chị L, anh T mua phần diện tích này để nhằm mục đích tạo lối đi dẫn ra đường nhánh đường Hồ Chí Minh đi Hà Tĩnh. Hội đồng xét xử xét thấy, việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông L với chị L, anh T không diễn ra trong cùng thời điểm mà anh T, chị L nhận chuyển nhượng đất từ ông T như nguyên đơn trình bày, bởi vì theo giấy chuyển nhượng giữa ông L với chị L, anh T thể hiện vào ngày 10/10/2010. Như vậy, sau khi mua đất của ông T thì anh T, chị L đã sử dụng trong thời gian hơn 02 năm rồi mới mua thêm đất của ông L. Đồng thời, trong giấy chuyển nhượng đất không đề cập đến nội dung anh T, chị L mua phần diện tích đất tiếp nối giữa đất ông L được giao kéo ra đến đường nhánh đường Hồ Chí Minh (bao gồm cả hành lang phía trước) để làm lối đi ra như ông L trình bày, mà thể hiện chỉ mua diện tích đất 30m^2 trong số diện tích 500m^2 ông L được UBND xã P giao vào năm 1996. Mặt khác, trong thời gian 02 năm đó anh T, chị L vẫn sử dụng phần diện tích đất hiện đang tranh chấp và trước đó thì không có sự tranh chấp với ai. Do đó, việc nguyên đơn ông L cho rằng anh T, chị L nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông L để làm lối đi ra đường nhánh đường mòn Hồ Chí Minh là hoàn toàn không có cơ sở.

[2.2] Về việc tiến hành đền bù, giải phóng mặt bằng: Ông L cho rằng việc ông được UBND huyện H đền bù giải phóng mặt bằng, thu hồi đất 02 lần là cơ sở để khẳng định quyền sử dụng đối với phần diện tích đất đang tranh chấp. Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình sử dụng đất ông Trần Gia L, chị Nguyễn Thị L đã được UBND huyện H đền bù giải phóng mặt bằng, thu hồi đất. Ông Trần Gia L được đền bù hai lần với tổng diện tích 306,28m^2 đất ở và 396,15m^2 đất vườn là đã vượt quá phần diện tích đất ông L được UBND xã P giao năm 1996 cũng như hạn mức đất ở được giao cho hộ gia đình tại nông thôn. Chị Nguyễn Thị L được đền bù một lần năm 2012 với diện tích 57,5m^2 đất ở là cũng không chính xác bởi vì phần diện tích đất ở hiện nay của chị L qua xem xét thẩm định tại chỗ vẫn còn 100m^2. Như vậy, có thể khẳng định hồ sơ đền bù giải phóng mặt bằng, thu hồi đất của UBND huyện H đối với ông L, chị L có sự sai phạm trong việc xác định loại đất và diện tích đất. Không thể căn cứ vào hồ sơ đền bù giải phóng mặt bằng, thu hồi đất của UBND huyện H để xác định ai là người có quyền sử dụng như nguyên đơn trình bày. Vì việc lập hồ sơ thu hồi đất giải phóng mặt bằng không đồng nghĩa với việc nhà nước đã công nhận quyền sử dụng đất cho người sử dụng đất.

[2.3] Về việc tôn tạo, bồi đắp đối với phần diện tích đất đang tranh chấp: Nguyên đơn ông L cho rằng mặc dù phần diện tích đất đang tranh chấp không nằm trong diện tích đất ông đã được UBND xã P giao vào năm 1996, nhưng ông đã có công trong việc tôn tạo, bồi đắp nên ông có quyền được sử dụng. Hội đồng xét xử xét thấy qua các lần bồi thường giải phóng mặt bằng Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng UBND huyện H đã xem xét hỗ trợ kinh phí tôn tạo, bồi đắp đất cho ông L, chị L tại thời điểm họ trực tiếp sử dụng đất. Từ thời điểm ông L chuyển nhượng đất cho ông T năm 2004 đến nay thì ông L không hề tôn tạo, sử dụng phần đất đang tranh chấp này mà việc tôn tạo, sử dụng là do ông T từ năm 2004 và chị L từ năm 2008 đến nay. Mặt khác, theo quan điểm của đại diện UBND xã P và UBND huyện H xác định nguồn gốc đất đang tranh chấp là ngoài diện tích đất mà ông L được giao năm 1996, không phải là đất do khai hoang phục hóa, do đó ông L không có căn cứ xác lập quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất nằm trên hành lang này.

[2.4] Về việc yêu cầu chị Nguyễn Thị L trả lại tiền đền bù sai pháp luật trong việc hỗ trợ, bồi đắp đất khi đường quốc lộ 15A đi qua cho ông L: Căn cứ các nội dung đã phân tích tại mục 2.1, 2.2, 2.3 thì việc ông L yêu cầu chị Nguyễn Thị L trả lại tiền đền bù là không có căn cứ pháp luật.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy: Quan điểm của nguyên đơn, người đại diện của nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung khởi kiện và nội dung kháng cáo của nguyên đơn là không có cơ sở nên không được chấp nhận. Quan điểm của người đại diện bị đơn, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bị đơn và quan điểm phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận nội dung kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Gia L. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 10/2018/DS-ST ngày 13/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh, là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu 3.000.000đ tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ theo quy định tại khoản 1 Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự. Số tiền này nguyên đơn đã nộp đủ tiền tạm ứng tại Tòa án cấp sơ thẩm.

[4] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của và kháng cáo nguyên đơn không được Tòa án chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sơ thẩm và dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận nội dung kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Gia L. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 10/2018/DS-ST ngày 13/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 92; khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 157; Điều 158; khoản 1 Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 163, Điều 164, Điều 166, Điều 169 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 100, khoản 1 Điều 203; Điều 157, 166, 170 Luật đất đai năm 2013;

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Gia L.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá: Buộc nguyên đơn phải chịu 3.000.000đ chi phí xem xét, thẩm định tại chổ và định giá tài sản. Nguyên đơn đã nộp đủ tiền tạm ứng tại Tòa án, nay không phải nộp nữa.

3. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc nguyên đơn ông Trần Gia L phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2016/0004133 ngày 20 tháng 12 năm 2017 của Cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Buộc nguyên đơn ông Trần Gia L phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự phúc thẩm. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2016/0004222 ngày 28/8/2018 của Chị cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thương Huyền **Nguyễn Thị Bích Đào** **Hồ Đức Quang**

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- TAND huyện H;
- THADS huyện H;
- Đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Đức Quang